

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày 02/6/2021

V/v tranh chấp hợp
đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thạch.

2. Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST-DS ngày 05/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-DS ngày 05/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-DS ngày 16/4/2021; Thông báo về việc hoãn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số 29/TB-TA ngày 07/5/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 36/TB-TA ngày 27/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N; trụ sở: Số 198 T, phường L, quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc D, chức vụ: Trưởng Phòng Giao dịch Bình Sơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Quảng

Ngãi (là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số 325/UQ-VCB.PC ngày 01/11/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần N và 110/UQ-NHNT.QNg ngày 17/8/2020 của Giám đốc Chi nhánh); có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Hồ Kim T, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Các ông bà Hồ Kim Q, sinh năm 1942, Phạm Thị N, sinh năm 1946, Hồ Kim H, sinh năm 1973, Hồ Thị Kim Th, sinh năm 1976, Hồ Kim Ng, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; đều vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Cháu Hồ Kim Đ, sinh năm 2009; người đại diện hợp pháp của cháu Đ: Ông Hồ Kim T, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2020, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc D trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (sau đây viết tắt là Ngân hàng N) cho Ông Hồ Kim T vay số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay từng lần số 149/17/NHNT-QNg.BS ngày 27/02/2017 để sử dụng vào mục đích bổ sung vốn sản xuất kinh doanh cửa sắt, cửa nhôm; thời hạn vay 12 tháng kể từ khi nhận nợ, thời hạn rút vốn 03 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực; phương thức lãi trả hàng tháng trong vòng 7 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng, vốn trả cuối kỳ; lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn đối với cá nhân vay vốn kinh doanh có tài sản bảo đảm là bất động sản; lãi suất cho vay được xác định và ghi trên Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn đầu tiên theo công bố của Ngân hàng và được cố định trong suốt thời hạn vay; ông T đã nhận nợ vào ngày 28/02/2017 với số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) lãi suất cho vay là 8,5%.

Ngày 27/02/2017, bà Phạm Thị H ký giấy cam kết với nội dung có trách nhiệm cùng thanh toán khoản vay của ông T.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên bao gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 28, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W417109, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận chứng nhận số H00782 do Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 03/10/2002, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 46/17/HĐTC-QNG.BS ngày 27/02/2017 (đã được Văn phòng Công chứng B công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh huyện S).

Đồng thời ông T, bà H có giấy cam kết ngôi nhà cấp IV tại thửa đất số 48 là tài sản do vợ chồng bà tạo lập và chưa có giấy tờ sở hữu nhà nên tài sản trên đất của thửa đất nêu trên vào thời điểm trước, sau khi ký kết hợp đồng thế chấp cũng là tài sản thế chấp, trong trường hợp phải xử lý tài sản là quyền sử dụng đất, ông bà đồng ý xử lý toàn bộ để Ngân hàng Thương mại Cổ phần N thu hồi nợ.

Sau khi vay tiền, ông T, bà H không thực hiện trả nợ vay đúng hạn nên khoản nợ đã quá hạn kể từ ngày 28/02/2018. Tính đến ngày 01/6/2021 ông T, bà H còn nợ Ngân hàng N số tiền 176.020.376 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 97.550.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 53.421.732 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.048.644 đồng.

Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T, bà H không trả nợ nên nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Ông Hồ Kim T và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay đã ký kết kể từ ngày 02/6/2021 cho đến khi trả hết nợ. Trong trường hợp ông T, bà H không trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng thửa đất số 48 và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2020, bị đơn là bà Phạm Thị Hương trình bày:*

Vào năm 2017, bà và ông T có vay tiền tại Ngân hàng N – Chi nhánh Quảng Ngãi - Phòng giao dịch S với số tiền vay là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng), mục đích vay là bổ sung vốn sản xuất, kinh doanh của nhôm, cửa sắt; thời hạn vay là 12 tháng.

Tài sản đảm bảo khoản vay là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48; thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chồng bà là Ông Hồ Kim T đứng tên; trên đất có nhà ở, công trình, vật kiến trúc thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà.

Từ ngày vay đến nay, bà và ông T đã trả được 65.450.000 đồng (sáu mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nợ gốc và 16.570.278 đồng (mười sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng) nợ lãi. Sau khi Tòa án thông báo về việc Ngân hàng khởi kiện, bà và ông T đã trả thêm 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Bà thống nhất về số tiền nợ gốc còn lại, lãi phát sinh như Ngân hàng N trình bày, khởi kiện và đồng ý trả nợ. Tuy nhiên, hiện nay ông T bị bệnh, việc làm ăn không thuận lợi, hoàn cảnh kinh tế gia đình hết sức khó khăn, bản thân bà là lao động chính trong nhà, thu nhập không cao nên vợ chồng bà không có điều kiện để trả một lần toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng N. Vì vậy, bà đề nghị xem xét, tạo điều kiện cho ông bà trả dần khoản nợ, bà sẽ trả ít nhất 50.000.000 đồng, số tiền còn lại bà đề nghị Ngân hàng N xem xét cho bà trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi xong nợ.

Nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên là nhà ở duy nhất của gia đình bà, không còn chỗ ở nào khác nên bà đề nghị Ngân hàng N xem xét cho bà được trả dần khoản nợ, không xử lý tài sản thế chấp.

** Bị đơn là Ông Hồ Kim T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Kim Q, Phạm Thị N, Hồ Kim H, Hồ Thị Kim Th, Hồ Kim Ng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về tranh chấp hợp đồng tín dụng; buộc ông T, bà H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 01/6/2021 là 176.020.376 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn ba trăm bảy

mười sáu đồng), trong đó nợ gốc là 97.550.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 53.421.732 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.048.644 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì xử lý tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất tại thửa đất số 48 để thu hồi nợ cho Ngân hàng N; ông T, bà H phải chịu án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông T, bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Q, bà N, ông H, bà Th, ông N vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Bị đơn là ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Q, bà N, ông H, bà Th, ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối các tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn đưa ra và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà H thừa nhận bà và ông T có vay tiền, có thế chấp tài sản như đại diện Ngân hàng N trình bày là đúng sự thật. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Căn cứ Hợp đồng cho vay số 149/17/NHNT-QNg.BS ngày 27/02/2017, các giấy nhận nợ do Ngân hàng N cung cấp và trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở xác định Ngân hàng N cho ông T, bà H vay số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) để sử dụng vào mục đích bổ sung vốn sản xuất kinh doanh cửa sắt, cửa nhôm; thời hạn vay 12 tháng kể

từ khi nhận nợ, thời hạn rút vốn 03 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực, phương thức lãi trả hàng tháng trong vòng 7 ngày kể từ ngày 26 hàng tháng, vốn trả cuối kỳ.

[2.3] Căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 46/17/HĐTC-QNG.BS ngày 27/02/2017 do Ngân hàng N cung cấp và trình bày của bà H có đủ cơ sở xác định ông T, bà H đã thế chấp tài sản là thửa đất số 48 để đảm bảo khoản vay nêu trên. Ngoài ra ông T, bà H có lập giấy cam kết ngôi nhà tại thửa đất số 48 là tài sản do vợ chồng bà tạo lập cũng là tài sản thế chấp.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 417109, số vào sổ 00782 QSDĐ/1162/2002QĐ-UB(H) ngày 03/10/2002 do Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ ông T. Tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thế chấp tài sản, ngoài ông T, bà H thì hộ ông T còn các ông bà Q, N, H, T, Th, N. Tuy nhiên những người này đều có văn bản cam kết (được công chứng) xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản riêng của ông T.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 46/17/HĐTC-QNG.BS ngày 27/02/2017 nêu trên đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Theo các bảng kê chi tiết lịch sử trả nợ gốc và lãi do Ngân hàng N cung cấp thể hiện sau khi vay vốn, ông T, bà H thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả lãi và không trả nợ gốc đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng N nên khoản vay của ông T, bà H đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 28/02/2018.

Tính thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm (ngày 01/6/2021), ông T, bà H còn nợ Ngân hàng N số tiền 176.020.376 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 97.550.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 53.421.732 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.048.644 đồng.

[2.5] Sau khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, ông T, bà H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N.

[2.6] Từ những vấn đề như đã nhận định, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông T, bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số nợ nêu trên và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 02/6/2021 theo mức lãi suất đã thỏa thuận đến khi thanh toán xong khoản vay. Trong trường hợp ông T, bà H không

thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

[2.7] Về chi phí tố tụng: Ông T và bà H phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; do Ngân hàng N đã tạm ứng chi phí tố tụng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) nên ông T và bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

[2.8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.8.1] Ông T và bà H phải chịu 8.801.000 đồng (tám triệu tám trăm lẻ một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 13, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2.8.2] Hoàn trả lại tạm ứng án phí cho Ngân hàng N.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Buộc Ông Hồ Kim T và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền nợ tính đến ngày 01/6/2021 là 176.020.376 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 97.550.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 53.421.732 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.048.644 đồng và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 02/6/2021 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 149/17/NHNT-QNg.BS ngày 27/02/2017 đến khi thanh toán xong khoản vay.

2. Trường hợp Ông Hồ Kim T, bà Phạm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N, bao gồm: Quyền sử dụng thửa số 48, tờ bản đồ số 28, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (đã được Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 417109, số vào sổ 00782 QSDĐ/1162/2002QĐ-UB(H) ngày 03/10/2002) theo Hợp đồng thế chấp đã được Văn phòng Công chứng Bình Sơn công chứng ngày 27/02/2017, các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất 48 nêu trên.

Sau khi xử lý tài sản nếu không đủ để trả nợ thì Ông Hồ Kim T và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ theo hợp đồng cho vay cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

3. Buộc Ông Hồ Kim T và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4. Buộc Ông Hồ Kim T và bà Phạm Thị H phải chịu 8.801.000 đồng (tám triệu tám trăm lẻ một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm ứng án phí là 5.988.000 đồng (năm triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0000883 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Đô

